

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HSST**
Ngày 19-03-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Công Văn

Bà Ngô Thị Phương Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn U – sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã Đ, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S– sinh năm 1931 (chết) và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1936; có 09 anh chị em ruột lớn nhất sinh năm 1961, nhỏ nhất sinh năm 1977; có vợ Thị C - sinh năm 1985; có 02 người con sinh năm 2009 và 2016; tiền sự: không; tiền án: có 01 tiền án, ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2017/HSST ngày 24/8/2017, chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2018 nhưng chưa nộp tiền án phí. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bị hại:*

Anh **Lê Văn T1** – sinh năm 1993;

Nơi cư trú: ấp Tân Lợi, xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh **Đoàn Ngọc A** – sinh năm 1984

Nơi cư trú: ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng:

Anh **Huỳnh Công Đ** – 1981

Nơi cư trú: ấp B, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Ông **Lê Văn C** – 1963

Bà **Lê Thị S** - 1975

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện D, thành phố Cần Thơ.

(Bị cáo, bị hại có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 20/01/2020 Lê Văn U – sinh năm 1980 thuê xe honda ôm đi từ ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Hậu Giang đến huyện D, thành phố Cần Thơ mục đích tìm xe mô tô của người khác để lấy trộm làm phương tiện đi lại, khi đến cầu Sáu Bọng thuộc xã L, huyện D thì U xuống xe và đi bộ vào đường giao thông nông thôn, đến khoảng 01 giờ ngày 21/01/2020 U đi đến nhà anh Lê Văn T1 – sinh năm 1993 thuộc ấp T, xã L nhìn thấy cửa rào không khóa nên U đi đến nhà bếp tìm lấy 01 con dao Thái Lan cắt thiết rồi dùng tay mở chốt gài cửa đi vào bên trong nhà nhìn thấy xe mô tô có cấm sẵn chìa khóa nên U dẫn xe ra ngoài lộ nông thôn khoảng 200m rồi điều khiển xe chạy về hướng huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tại Cơ quan điều tra Lê Văn U khai nhận nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một mình, không chuẩn bị sẵn công cụ phương tiện nào khác, sau khi lấy trộm được tài sản U sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 23/6/2020 do cần tiền tiêu xài cá nhân nên U đem xe mô tô đến nhờ anh Huỳnh Công Đ – sinh năm 1981 cầm cho anh Đoàn Ngọc A – sinh năm 1984 tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang được số

tiền 20.000.000 đồng, U hẹn hôm sau sẽ đem giấy tờ đến chuộc lại nhưng không thực hiện. Sau đó, sợ bị phát hiện nên U cùng vợ chuyển đến ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Ngày 17/9/2020 U tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị cơ quan điều tra công an huyện V bắt tạm giam vào ngày 24/9/2020 về tội trộm cắp tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 23/KL.HĐĐGTS ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Thạnh kết luận: 01 xe mô tô gắn máy 02 bánh đã qua sử dụng biển số 65L1 – 138.00, nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter màu xanh bạc, vành mâm đúc, phanh đĩa, dung tích xi lanh 149 cm³, số khung RLCUG06110FY036135, số máy G3D4E037535, năm đưa vào sử dụng 2015, giá trị sử dụng còn lại theo hồ sơ 40% có giá trị tài sản là 20.790.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSVT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Công nhận cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh trả lại cho bị hại Lê Văn T1 01 xe mô tô biển số 65L1 – 138.00, nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter màu xanh bạc, số khung RLCUG06110FY036135, số máy G3D4E037535.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt những người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này trong vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn U thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thành khẩn khai nhận: Vào khoảng 01 giờ ngày 21/01/2020 U đến nhà anh Lê Văn T1 – sinh năm 1993 thuộc ấp T, xã L nhìn thấy cửa rào không khóa nên U đi đến nhà bếp tìm lấy 01 con dao Thái Lan cắt thiết rồi dùng tay mở chốt gài cửa đi vào bên trong nhà nhìn thấy xe mô tô có cắm sẵn chìa khóa nên U dẫn xe ra ngoài lộ nông thôn khoảng 200m rồi điều khiển xe chạy về hướng huyện C, tỉnh Hậu Giang. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Điều 173, khoản 1 Bộ luật Hình sự quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Như vậy, Cáo trạng số 06/CT-VKSVT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có thái độ chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 25/4/2018 nhưng chưa chấp hành nghĩa vụ nộp tiền án phí chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo được xác định là tái phạm theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo là người không biết chữ đây cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Trước khi bị xét xử bị cáo đã bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 94/2020/HS-ST ngày 31-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Vì vậy, cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Trước và sau thời điểm phạm tội bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) xe mô tô biển số 65L1 – 138.00, nhãn hiệu Yamaha số loại Exciter màu xanh bạc, vành mâm đúc, phanh đĩa, dung tích xi lanh 149 cm³, số khung RLCUG06110FY036135, số máy G3D4E037535. Quá trình điều tra xác định là tài sản của bị hại Lê Văn T1 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trao trả lại cho bị hại là phù hợp với khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với anh Huỳnh Công Đ nhận cầm tài sản dùm U và anh Đoàn Ngọc A cầm tài sản của U do không biết xe mô tô biển số 65L1-138.00 là tài sản do U trộm mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với vụ trộm cắp tài sản Lê Văn U thực hiện tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cơ quan điều tra Công an huyện V khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” và được Tòa án nhân dân huyện V xét xử theo bản án hình sự số: 94/2020/HS-ST ngày 31/12/2020 (bản án đã có hiệu lực pháp luật) là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với hành vi này.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[11] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như đề xuất mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 53; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Điều 106; Điều 136; Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn U phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn U 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 94/2020/HS-ST ngày 31-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 24/9/2020.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn U phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Phường

